

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Căn cứ, ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty) được xây dựng theo quy định của luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hóa nền kinh tế.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý của Tổng công ty.

Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Tổng công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành, được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông, những người liên quan đến Tổng công ty, và thực hiện các mục tiêu sau:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - đ) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.
2. “*Tổng công ty*” là *Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam* - Công ty mẹ trong tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, là một trong các hình thức của nhóm công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất - kinh doanh và đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn góp/đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.

3. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
4. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 điều 4 Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
7. Người điều hành là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
8. Người quản lý Doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
9. Người phụ trách quản trị Tổng công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Chương II:

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Sau khi có kế hoạch tổ chức Đại hội, Tổng Công ty gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đề nghị chốt danh sách cổ đông theo quy định tại Điều 10 của Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 197/QĐ-VSD ngày 29/9/2017 của Tổng giám đốc VSD. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập

danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Chuẩn bị tài liệu:

Người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Các công việc khác phục vụ đại hội.

2. Gửi thông báo mời họp:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

3. Kiến nghị về Chương trình họp:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp

4. Từ chối các kiến nghị:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo: Thông báo mời họp, CMND/Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (Đối với đại diện cổ đông) để đăng ký với Ban thẩm tra tư cách cổ đông và được nhận 01 Thẻ biểu quyết. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp
 - 2.2. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - 2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội, ngay sau khi hoàn tất khâu đăng ký, kiểm tra tư cách họp lệ được Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp cho 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết, 01 Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (nếu ĐHCĐ có nội dung bầu HĐQT/BKS nhiệm kỳ mới do kết thúc nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS) có đóng dấu treo của Tổng Công ty (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó).
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - 5.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - 5.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - 5.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu

Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội. Việc biểu quyết được thực hiện theo 2 hình thức: Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (trong trường hợp biểu quyết công khai) hoặc biểu quyết bằng cách bỏ Phiếu biểu quyết (trong trường hợp biểu quyết kín)

1. Thẻ biểu quyết bao gồm các thông tin:
 - Mã số cổ đông
 - Họ và tên của cổ đông/ họ và tên đại diện được ủy quyền
 - Số cổ phần sở hữu và /hoặc đại diện.
2. Phiếu biểu quyết gồm các thông tin:
 - Mã số cổ đông
 - Tên cổ đông/đại diện được ủy quyền
 - Số cổ phần sở hữu/được ủy quyền,
 - Các nội dung biểu quyết
 - Tình trạng biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến.
3. Biểu quyết công khai bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:
 - Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến một vấn đề được trình bày tại Đại hội, bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao, mặt trước hướng về Đoàn chủ tịch, khi được Chủ tọa lần lượt hỏi về tình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý và Không có ý kiến).

- Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
 - Số thẻ Đồng ý được thu trước, số thẻ Không đồng ý được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu Đồng ý hay Không đồng ý để quyết định.
4. Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:
- Cổ đông/Người đại diện ủy quyền biểu quyết đánh dấu (V hoặc X) vào một trong 03 ô cần biểu quyết: đồng ý; không đồng ý; Không có ý kiến.
 - Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn 1 tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Phiếu do Tổng Công ty phát hành và có đóng dấu treo của Tổng Công ty;
 - Phiếu có chữ ký của Cổ đông/Đại diện ủy quyền hợp lệ;
 - Phiếu không được tẩy xóa, sửa nội dung biểu quyết;
 - Phiếu không được ghi bằng bút chì;
 - Phiếu không ghi thêm nội dung ngoài các nội dung biểu quyết do ĐHĐCĐ đưa ra
 - Phiếu được phát ra nhưng không gửi về cho Ban kiểm phiếu được xem là Phiếu trắng. Phiếu trắng được xem là phiếu chọn tình trạng “Không có ý kiến” đối với các nội dung biểu quyết.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

1. Đối với hình thức biểu quyết công khai thông qua Thẻ biểu quyết

Sau khi Chủ tọa hỏi ý kiến của Đại hội về từng nội dung biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ đếm, ghi nhận và tổng hợp tình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến) và tỷ lệ biểu quyết theo từng tình trạng so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu.

2. Đối với hình thức biểu quyết kín thông qua Phiếu biểu quyết

- Sau khi cổ đông hoàn tất việc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu thu thập Phiếu biểu quyết từ thùng phiếu, kiểm tra tính hợp lệ và thực hiện việc kiểm phiếu.
- Kết quả biểu quyết sẽ được xác định cho từng nội dung biểu quyết .
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm ghi nhận, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết được ghi thành Biên bản kiểm phiếu, các thành viên Ban kiểm phiếu ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
- Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm:
 - + Tổng số cổ đông tham dự họp;
 - + Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
 - + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ và không hợp lệ;
 - + Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề đã trình Đại hội

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông về Biên bản kiểm phiếu, trong đó nêu rõ các nội dung đã được thông qua với: Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Ban thư ký Đại hội ghi nhận lại để đưa vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban thư ký Đại hội có trách nhiệm ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên trang điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự cuộc họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
- Tổng Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp ĐHĐCĐ (công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán).

Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Các trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;
- c) Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;

- d) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
 - đ) Giao dịch mua/bán tài sản của Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
- 2. Quy trình lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản:** thực hiện theo Điều 21 Điều lệ của Tổng công ty.

Chương III:

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
 - c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.
 - d) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: ngoài đáp ứng các quy định tại Khoản 1 nêu trên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, Công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc Công ty con của Tổng công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong **thời hạn 06 tháng** kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 14: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo Khoản 2 và 3 Điều 24 Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 15: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

1. Bầu bổ sung thành viên HĐQT: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ Tổng công ty.Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ khi có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, quyết định được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 16: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 13 nêu trên;

- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức;
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thông báo về bầu HĐQT:
Thực hiện theo Khoản 1 Điều 24 của Điều lệ Tổng công ty.
2. Thông báo miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT: Hội đồng quản trị phải công bố thông tin trong vòng 24h khi có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 18: Cách thức ứng cử, đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Tổng công ty ứng cử, đề cử vị trí thành viên Hội đồng quản trị có quyền gửi Đơn ứng cử, Đơn đề cử về Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Đơn ứng cử vào chức danh thành viên HĐQT của cổ đông(Theo mẫu của Tổng công ty):
- Đơn đề cử vào chức danh thành viên HĐQT của nhóm cổ đông/nhóm cổ đông:
 - Đơn đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Tổng công ty);
 - Biên bản họp nhóm đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT (Theo mẫu của Tổng công ty);
- Bản kê khai lý lịch theo mẫu/Bản tóm tắt quá trình công tác (Ứng viên tự khai, theo mẫu của Tổng công ty);
- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn.

Người ứng cử, được đề cử vào chức danh thành viên HĐQT phải tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

CHƯƠNG IV:

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Thông báo họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Khoản 7 Điều 29 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo Khoản 8 Điều 29 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Cách thức biểu quyết:

Thực hiện theo Khoản 10 và 11 Điều 29 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 22. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Thực hiện theo Khoản 13 và 14 Điều 29 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp của HĐQT phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp.
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký sẽ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 24. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị:

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi Nghị quyết HĐQT tới các thành viên và Nghị quyết đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp/kết quả của việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Nghị quyết trong thời hạn **ba (03) ngày** kể từ ngày gửi.

CHƯƠNG V:**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN****Điều 25: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:**

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 36 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 26: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định đề cử, ứng cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT tại Điều 18.

Điều 27: Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Các thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định bầu thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 15.

Điều 28: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Thực hiện theo Khoản 4 và 5 Điều 36 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Thông báo về bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Khoản 1 Điều 36 của Điều lệ Tổng công ty.

Thông báo về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

CHƯƠNG VI:

**LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH
TỔNG CÔNG TY**

Điều 30: Người điều hành Tổng Công ty:

Người điều hành Tổng công ty được quy định tại khoản 5, Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06 tháng 06 năm 2017, bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều 33 Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 31: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.
2. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Tổng công ty, người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty đầu tư góp vốn.
3. Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức tổ chức kỷ luật cao; trung thực, dám làm và dám chịu trách nhiệm; có khả năng thực tiễn; được tập thể tín nhiệm thông qua kết quả lấy phiếu tín nhiệm.
4. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. Có trình độ học vấn từ bậc đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành khác nhưng đã có ít nhất 2 năm đang công tác ở lĩnh vực được đề nghị bổ nhiệm; Có năng lực tổ chức chỉ đạo; có trình độ về quản lý, ngoại ngữ và có đủ sức khoẻ để làm việc có hiệu quả và đáp ứng được chức trách được giao.
5. Không thuộc các đối tượng đang bị cơ quan, chính quyền và tổ chức Đảng các cấp xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian chịu thi hành kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên và không thuộc các đối tượng bị cấm đảm nhiệm các chức vụ theo quy định của pháp luật.

Các tiêu chuẩn và điều kiện khác được quy định theo Quy chế quản lý cán bộ, Điều lệ của Tổng công ty và Pháp luật hiện hành.

Điều 32: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

1. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
2. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên;
3. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
4. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
5. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán và Điều 19 NBĐ 174/2016/NBĐ-CP hướng dẫn luật kế toán
6. Không thuộc các đối tượng đang bị cơ quan, chính quyền và tổ chức Đảng các cấp xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian chịu thi hành kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên.

Điều 33: Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp:

- Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này;
- Không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của Người điều hành doanh nghiệp trong 02 năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ;
- Không trung thực, lợi dụng vai trò, quyền hạn của Người điều hành doanh nghiệp; thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Vi phạm Điều lệ Tổng công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền gây thiệt hại, ảnh hưởng tới Tổng công ty và quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;
- Gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; mất uy tín với Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị và với đa số CBCNV trong Doanh nghiệp;
- Trong một nhiệm kỳ giữ chức, bị hai lần xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên liên quan đến chức trách nhiệm vụ được giao;
- Các trường hợp khác theo yêu cầu của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật hiện hành.

Điều 34: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng Công ty

Tổng công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành và công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

CHƯƠNG VII:
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

Thực hiện tương tự như cuộc họp của HĐQT tại **Chương IV** Quy chế này.

Điều 36: Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, Nghị quyết cuộc họp của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển bản sao hoặc gửi bằng thư điện tử cho Ban kiểm soát.

Điều 37: Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 38: Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Giám đốc/hoặc Ban kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần giải quyết.
Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; Tổng giám đốc/hoặc Ban kiểm soát có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải có văn bản phúc đáp trong trường hợp Tổng giám đốc hoặc Ban kiểm soát xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Điều 39: Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định của Tổng công ty.

Điều 40: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Thực hiện theo các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Điều 41: Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các vấn đề liên quan hoạt động điều hành hàng ngày của Tổng công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Điều 42: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

Thực hiện theo các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII:

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 43: Việc đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật thực hiện theo Luật thi đua khen thưởng, Luật doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

CHƯƠNG IX:

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 44: Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người Phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 45: Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 31 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 46: Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

Thực hiện theo Khoản 3 Điều 31 của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 47: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

Công ty có thể thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu thấy cần thiết).

CHƯƠNG X:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Bổ sung và sửa đổi quy chế

1. Việc bổ sung và sửa đổi quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Tổng công ty.

Điều 49: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 10 chương 49 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2018 thông qua ngày tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Thắng